

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/5/2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, chia tài sản chung trong thời  
kỳ hôn nhân”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Văn Nga

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Hà Văn Bình

2. Bà: Hà Thị Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện B,  
tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:**

Ông: Hà Văn Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm: 1994

Trú tại: Thôn C, xã Hạ Tr, huyện B, Thanh Hoá.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn Th, sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn C, xã Hạ Tr, huyện B, Thanh Hoá.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh Th tự do tìm hiểu trong khoảng 2 năm, tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới theo tập quán, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạ Tr ngày 27/5/2013.

Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, có với nhau 02 người con, tuy nhiên quá trình chung sống anh Th mỗi lần có rượu lại kiếm có gây sự, chửi mắng vợ con, chị nói thì lại có hành vi bạo lực gia đình, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên từ năm 2022 chị đi làm vợ chồng không còn phát sinh tình cảm mà chỉ về vì các con. Quá

trình ly thân chị cũng muốn anh Th sửa chữa nhưng không được, bản thân chị hiện không còn tình cảm với anh Th, hôn nhân không còn có hạnh phúc nên có nguyện vọng được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Trương Thành Tr, sinh ngày 15/8/2013 và Trương Thành Đ, sinh ngày 20/7/2018. Vợ chồng ly hôn chị cũng muốn nuôi cả hai con, nhưng do ai cũng là bố mẹ, cháu lớn Thành Tr đã học lớp 5 có thể tự lo cho sinh hoạt cá nhân của bản thân nên chị để cháu ở với anh Th, chị sẽ nuôi cháu Đ, do ai cũng phải nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu chia tài sản, chỉ yêu cầu chia khoản nợ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, vay ngày 27/9/2022, hạn trả ngày 04/9/2026, mục đích vay để mua trâu. Chị yêu cầu chia đôi số nợ trên, mỗi người chịu một nửa, chị đã trả cho ngân hàng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn lại anh Th phải trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh Th đến tòa để làm bản tự khai nhưng anh Th vắng mặt nên không có lời khai của anh Th trong hồ sơ vụ án.

Tòa án cũng đã có công văn số 06/TABT ngày 22/02/2024 gửi Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B về việc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và có văn bản trình bày ý kiến về việc vay nợ của chị H và anh Th.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B đã có công văn số 98/NHCS-KNTC ngày 15/3/2024 trả lời về việc xử lý nợ vay của chị H và anh Th như sau: Chị H và anh Th vay chương trình hộ cận nghèo tại ngân hàng do anh Trương Văn Th đứng tên và chị Trương Thị H là người thừa kế, số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ngày vay 27/9/2022, hạn trả 04/9/2026, mục đích sử dụng vốn vay mua trâu, món vay chưa đến hạn trả nợ nhưng gia đình đã bán trâu không tiếp tục chăn nuôi cũng không trả nợ cho Ngân hàng như vậy hộ đã sử dụng vốn vay sai mục đích. Ngày 20/02/2024 chị H đã đến ngân hàng trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền còn nợ của gia đình là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Ngân hàng yêu cầu hộ vay thu xếp trả hết số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho Ngân hàng trước khi Tòa án giải quyết vụ án.

Ngày 26/4/2024 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B có công văn số 149/NHCS-KNTC về việc rút yêu cầu xử lý nợ vay do ngày 08/4/2024 anh Th đã đến ngân hàng trả hết số nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án anh Th không đến tòa án làm việc, chị H đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh Th không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Th. Anh Th cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên

tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị H, xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Trương Văn Th.

Về con chung: Giao cháu Trương Thành Tr, sinh ngày 15/8/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 20/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Anh Th, chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản, công nợ: Chị H yêu cầu chia số nợ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) Ngày 26/4/2024 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B có công văn số 149/NHCS-KNTC về việc rút yêu cầu xử lý nợ vay do chị Hanh, anh Th đã trả hết tiền nợ, tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 02/5/2024 chị H trình bày nguyện vọng do anh Th đã trả hết số tiền gốc còn nợ nên chị không yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét về việc chia công nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết công nợ.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh Th đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được tổng Đ hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạ Tr ngày 27/5/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp

pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên, hiện nay cả hai bên đã ly thân, việc này đã được bố đẻ của anh Th là ông Trương Văn D xác nhận. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56-Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh Th.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Thành Tr, sinh ngày 15/8/2013 và Trương Thành Đ, sinh ngày 20/7/2018. Vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cháu Đ, giao anh Th nuôi cháu Tr, do ai cũng phải nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án anh Th không có văn bản trình bày đối với vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản, tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 25/3/2024 bố đẻ anh Th là ông Trương Văn D xác nhận cháu Tr hiện đang ở với anh Th, cháu Đ đang ở với chị H và nhà ngoại, anh Th cũng được gia đình thông báo biết việc chị H yêu cầu ly hôn nhưng do công việc nên không đến Tòa án làm việc được anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2024 cháu Trương Thành Tr cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét thực tế hiện nay anh Th đang trực tiếp nuôi cháu Tr, chị H trực tiếp nuôi cháu Đ, để tránh xáo trộn trong sinh hoạt của các cháu vì vậy giao anh Th trực tiếp nuôi cháu Tr, giao chị H trực tiếp nuôi cháu Đ, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh Th đã trả hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, Ngân hàng chính sách xã hội huyện B đã có công văn rút yêu cầu xử lý nợ vay vì vậy đình chỉ phần yêu cầu chia công nợ.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H được ly hôn anh Trương Văn Th.

Về con chung: Giao 01 con chung Trương Thành Tr, sinh ngày 15/8/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, giao cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 20/7/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị H, anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia công nợ của vợ chồng.

Về án phí: Chị Thanh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23, số: 0005925 ngày 21/02/2024. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Hạ Tr;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã Ký**

**Vũ Văn Nga**

